

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2022/DS-PT
Ngày 12/4/2022
V/v “Tranh chấp đòi tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Khuru Đề Dành

Các Thẩm phán: Ông Lê Thanh Hoàng

Ông Nguyễn Ngọc Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ngô Huỳnh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Phước Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 109/2021/TLPT-DS ngày 15 tháng 6 năm 2021 về việc “Tranh chấp đòi tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 143/2021/QĐXXPT-DS ngày 28 tháng 6 năm 2021, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 455/2021/TB-TA ngày 12/7/2021, Thông báo mở lại phiên tòa số 140/2022/TB-TA ngày 17/02/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 62/2022/QĐ-PT ngày 15 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Mỹ L (Cao Thị Mỹ L), sinh năm 1960; nơi cư trú: khóm T, thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hồng N, sinh năm 1988; nơi thường trú: Khu vực B, phường B, thị xã L, tỉnh Hậu Giang; địa chỉ liên hệ: Số 528 Nguyễn Văn Khôi, phường 9, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng ủy quyền ngày 29/12/2020 (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Trần Đức Q, sinh năm 1929; nơi cư trú: khóm T, thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang (chết ngày 11/01/2020).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Đức Q:

Bà Trần Thị Mỹ T, sinh năm 1961; nơi cư trú: Số, khóm V, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang (có mặt).

Bà Trần Thị Mỹ H, sinh năm 1956; nơi cư trú: Tổ 7, khóm T, thị trấn N,

huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Bà Trần Thị Mỹ L (Trần Thị L), sinh năm 1958; nơi cư trú: Tổ 11, khóm T, thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Ông Trần Thanh V, sinh 1959 (chết năm 2010) do vợ là bà Dương Thị N (có mặt), và các con Trần Thị Mỹ P, Trần Thị Mỹ H (vắng mặt); cùng cư trú: khóm T, thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang, là người kế thừa kế ông V tham gia tố tụng.

3. Người kháng cáo:

Bà Trần Thị Mỹ L (Cao Thị Mỹ L) là nguyên đơn.

Bà Trần Thị Mỹ T, bà Trần Thị Mỹ H, bà Trần Thị Mỹ L (Trần Thị Loan), ông Trần Thanh V (chết do bà Dương Thị N, Trần Thị Mỹ P, Trần Thị Mỹ H (kế thừa) là những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bị đơn (ông Trần Đức Q).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ L trình bày:

Vào năm 1996 bà có mua 01 chiếc xe Dream (sau đây gọi tắt là chiếc xe) mới 100%, với giá 08 (tám) cây vàng 24kara khi mua trả bằng vàng tại cửa hàng ở Long Xuyên (nay đã lâu không nhớ), đứng tên Trần Thị Mỹ L, biển số 67F1-7523, số máy 0455772, số khung 0455772, ngày đăng ký 04/10/1996. Thời gian đó do sống chung nhà với ông Trần Đức Q, bà đồng ý để cho ông Q lấy làm P tiện đi lại. Nhưng vào khoảng tháng 3/2006 thì mới biết ông Q đã bán chiếc xe thể hiện tại biên bản đối chất ngày 13/3/2007.

Nay ông Q đã chết, bà yêu cầu những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn gồm các bà: Trần Thị Mỹ T, Trần Thị Mỹ H, Trần Thị Mỹ L (Trần Thị L) và những người thừa kế thế vị của ông Trần Thanh V, chết năm 2010: Bà Dương Thị Nâu, Trần Thị Mỹ Phượng, Trần Thị Mỹ H phải trả lại cho bà giá trị chiếc xe bằng 08 cây vàng 24kara. Đồng thời bổ sung yêu cầu khởi kiện về bồi thường thiệt hại chi phí đi lại của chiếc xe do ông Q sử dụng từ năm 2006 bằng giá trị: 30.000 đồng/ngày, 900.000 đồng/tháng, 10,8 triệu đồng/năm x 15 năm = 162.000.000 đồng.

Bị đơn ông Trần Đức Q, chết ngày 11/01/2019, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn trình bày:

Bà Trần Thị Mỹ T, Trần Thị Mỹ H, Trần Thị Mỹ Loan, Dương Thị Nâu đều xác định ông Trần Đức Q, sinh năm 1927, chết ngày 11/01/2019 và bà Trì Thị Mối, sinh năm 1933, chết năm 1963 có 04 người con chung gồm: Trần Thị Mỹ T, sinh năm 1961; Trần Thị Mỹ H, sinh năm 1956; Trần Thị Mỹ L (Trần Thị L), sinh năm 1958; Trần Thanh V, sinh năm 1959, chết năm 2010, có vợ là Dương Thị Nâu, sinh năm 1961 và con Trần Thị Mỹ Phượng, sinh năm 1986, Trần Thị Mỹ Hoa, sinh năm 1990.

Sau khi mẹ (bà Mối) chết, vào khoảng năm 1963-1964 thì ông Q về chung sống với bà Khen (mẹ của bà Trần Thị Mỹ L) cùng với 02 con riêng là bà Trần Thị Mỹ L và Trần Thị Mỹ Hoa. Khi còn sống thì có thấy ông Q chạy chiếc xe làm P tiện đi lại, nên chỉ biết xe đó của ông, còn ai đứng tên và mua xe thì không biết rõ.

Do các bà không sống cùng cha mẹ, có gia đình riêng, nên không biết cụ thể việc mua bán chiếc xe. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Mỹ L thì các bà không đồng ý, do việc này là giữa ông Q và bà L.

Bà Trần Thị Mỹ Phượng, Trần Thị Mỹ Hoa, không có ý kiến trình bày.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, quyết định:

Căn cứ vào Điều 147, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 158, Điều 166, Điều 275, Điều 280, Điều 615, Điều 652 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ L.

Buộc người thừa kế của ông Trần Đức Q gồm: bà Trần Thị Mỹ T, bà Trần Thị Mỹ H, bà Trần Thị Mỹ L (Trần Thị L), bà Dương Thị Nâu, Trần Thị Mỹ Phượng, Trần Thị Mỹ H có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Mỹ L giá trị chiếc xe Dream biển số 67F1-7523, số máy 0455772, số khung 0455772 bằng số tiền là 28.680.000 đồng (Hai mươi tám triệu, sáu trăm tám mươi ngàn đồng) trong phạm vi thừa kế di sản của ông Q chết để lại. Riêng bà Dương Thị Nâu, Trần Thị Mỹ Phượng, Trần Thị Mỹ H trả trong phạm vi đối với phần tài sản được thừa kế từ ông Trần Thanh V.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất trong thời gian thi hành án, quyền, nghĩa vụ trong thi hành án dân sự, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo.

Ngày 04 tháng 3 năm 2021, nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ L (Cao Thị Mỹ L) có đơn kháng cáo toàn bộ bản án, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn bà Trần Thị Mỹ T, bà Trần Thị Mỹ H, bà Trần Thị Mỹ L (Trần Thị Loan), ông Trần Thanh V (chết do bà Dương Thị N, Trần Thị Mỹ P, Trần Thị Mỹ H là người thừa ông V) có đơn kháng cáo toàn bộ bản án; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy hoặc sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Hồng N đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn phát biểu tranh luận: Bà L khởi kiện yêu cầu ông Q (do ông Q chết) nên yêu cầu những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Q trả lại cho bà giá trị chiếc xe bằng 08 cây vàng 24kara tương đương số tiền 500.000.000 đồng.

Ngày 01/12/2020 bà L có yêu cầu khởi kiện bổ sung yêu cầu bồi thường đối với chủ sở hữu tài sản bị thiệt hại bằng giá trị là 162.000.000 đồng trước ngày Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải theo thông báo số 480/TB-TA ngày 11/12/2020 nhưng Thẩm phán ra Thông báo số 74/2020/TB-TA ngày 10/12/2020 về việc không thụ lý yêu cầu bổ sung là chưa

thỏa đáng và căn cứ pháp luật chưa Tyết phục. Bởi vì, đối với khởi kiện của nguyên đơn là 08 cây tương đương số tiền 500.000.000 đồng, còn khởi kiện bổ sung chỉ có 162.000.000 đồng là không vượt quá yêu cầu khởi kiện. Có thể thấy việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải là một thủ tục tố tụng, mục đích là nhằm xác định rõ nội dung quan trọng trong giải quyết về yêu cầu khởi kiện, sửa đổi, bổ sung của nguyên đơn và yêu cầu phản tố, độc lập của đương sự gồm những vấn đề thống nhất và chưa thống nhất được, có ý nghĩa bảo đảm cho đương sự thực hiện tốt quyền tranh tụng. Tại khoản 7 phần IV về tố tụng dân sự, thi hành án dân sự của công văn 01/2017 ngày 07/4/2017 giải đáp một số vấn đề nghiệp vụ của tòa án có nêu: “.....Tòa án chấp nhận việc nguyên đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện nếu việc thay đổi, bổ sung được thực hiện trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải...”. Như vậy trường hợp của nguyên thay đổi, bổ sung yêu cầu trước thời điểm tòa án mở phiên họp, thấy rằng yêu cầu của nguyên đơn đã thực hiện đúng về quyền và nghĩa vụ của mình. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bị đơn bà Trần Thị Mỹ T và bà Dương Thị N(có mặt tại phiên tòa phúc thẩm) phát biểu tranh luận: Việc chiếc xe giữa bà L và ông Q thì các bà không biết. Khi ông Q còn sống, bà L lại không yêu cầu đối với ông Q. Nay ông Q đã chết thì không có chứng cứ gì để xác định và chứng minh cho yêu cầu này của bà L nên không đồng ý theo yêu cầu của bà L. Do đó, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Mỹ Lệ, bà Trần Thị Mỹ T, bà Trần Thị Mỹ H, bà Trần Thị Mỹ L (Trần Thị Loan), bà Dương Thị N, bà Trần Thị Mỹ P, bà Trần Thị Mỹ Hoa. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn nộp đơn kháng cáo, nộp tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn quy định tại Điều 273, Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Bà Trần Thị Mỹ H, Trần Thị Mỹ L (Trần Thị Loan), Trần Thị Mỹ P và bà Trần Thị Mỹ H đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai và có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định.

[3] Xét kháng cáo của các đương sự, căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

[3.1] Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 06 tháng 8 năm 2019 (Bút lục 46, 47, 48), đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện ngày 12/12/2020 (Bút lục 87a, 87b) và đơn yêu cầu ngày 01/12/2020 (Bút lục 89) nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ L yêu cầu: “ông Trần Đức Q phải trả cho tôi số vàng là 08 cây vàng 24 kara vì năm 1996 tôi mua chiếc xe này 34.500.000 đồng tương đương 08 cây vàng nêu trên”.

Tại biên bản phiên tòa ngày 24/02/2021 (Bút lục 226 đến 230) nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ L yêu cầu những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn gồm: Bà Trần Thị Mỹ T, Trần Thị Mỹ H, Trần Thị Mỹ L (Trần Thị Loan), ông Trần Thanh V (chết do bà Dương Thị N, Trần Thị Mỹ P, Trần Thị Mỹ H là người thừa ông V) phải trả cho bà giá trị chiếc xe bằng 08 cây vàng 24 kara.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ L. Buộc người thừa kế của (ông Trần Đức Q) là bà Trần Thị Mỹ T, Trần Thị Mỹ H, Trần Thị Mỹ L (Trần Thị L), Dương Thị Nâu, Trần Thị Mỹ Phượng, Trần Thị Mỹ H có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Mỹ L giá trị chiếc xe Dream biển số 67F1-7523, số máy 0455772, số khung 0455772 bằng số tiền là 28.680.000 đồng. Nhưng bà Lê vẫn kháng cáo và trình bày tại đơn kháng cáo (Bút lục 155 đến 157): “Yêu cầu khởi kiện ban đầu là 08 cây vàng 24kara tương đương số tiền 500.000.000 đồng”.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Hồng N đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn phát biểu tranh luận: Bà Lê khởi kiện yêu cầu ông Q (do ông Q chết) nên yêu cầu những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Q trả lại cho bà Lê giá trị chiếc xe bằng 08 cây vàng 24kara tương đương số tiền 500.000.000 đồng.

Như vậy, bà Lê khởi kiện yêu cầu trả giá trị chiếc xe bằng 08 cây vàng 24kara, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại xác định yêu cầu khởi kiện của bà là 34.500.000 đồng và thông báo cho bà Lê nộp tiền tạm ứng án phí 862.500 đồng là chưa thụ lý đúng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vi phạm quy định quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự (Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015).

[3.2] Theo quy định tại khoản 1 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Thẩm phán tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự. Trước khi tiến hành phiên họp, Thẩm phán phải thông báo cho đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự về thời gian, địa điểm tiến hành phiên họp và nội dung của phiên họp”. Như vậy, theo quy định sau khi thụ lý vụ án Thẩm phán phải tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; nhưng không quy định giới hạn của việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Đồng thời, khoản 2 Điều 209 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Khi kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Thẩm phán công bố tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, hỏi đương sự về những vấn đề sau đây: a) Yêu cầu và phạm vi khởi kiện, việc sửa đổi, bổ sung, thay đổi, rút yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập; những vấn đề đã thống nhất, những vấn đề chưa thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết; ...;”.

Tại mục 7 phần IV giải đáp một số vấn đề nghiệp vụ số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân Tối cao “Theo quy định tại Điều 5, khoản 4 Điều 70, khoản 2 Điều 71, khoản 3 Điều 200, khoản 2 Điều 210, Điều 243 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì: Tòa án chấp nhận việc nguyên đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện nếu việc thay đổi, bổ sung được thực hiện trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải”.

Xét thấy, sau khi thụ lý vụ án Tòa án cấp sơ thẩm thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 3 lần, cụ thể:

Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 10/9/2020 (Bút lục 135);

Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 24/11/2020 (Bút lục 136);

Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 11/12/2020 (Bút lục 137);

Ngày 01/12/2020, bà L có yêu cầu khởi kiện bổ sung yêu cầu ông Trần Đức Q bồi thường thiệt hại chi phí đi lại của chiếc xe do ông Q sử dụng từ năm 2006 bằng giá trị: 30.000 đồng/ngày, 900.000 đồng/tháng, 10,8 triệu đồng/năm x 15 năm = 162.000.000 đồng.

Như vậy, bà L đã bổ sung yêu cầu khởi kiện trước ngày Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo thông báo số 480/TB-TA ngày 11/12/2020, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý bổ sung yêu cầu khởi kiện của bà L là chưa đúng quy định tại khoản 2 Điều 209 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3.3] Từ những nhận định trên cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó, chấp nhận kháng cáo của các đương sự, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[4] Kháng cáo được chấp nhận nên các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Mỹ Lệ, Trần Thị Mỹ T, Trần Thị Mỹ H, Trần Thị Mỹ L (Trần Thị Loan), Dương Thị N, Trần Thị Mỹ P và bà Trần Thị Mỹ Hoa;

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang;

Chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm;

Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm được xác định khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Trần Thị Mỹ L (Cao Thị Mỹ L) không phải chịu án phí, được nhận lại 300.000 đồng theo biên lai T tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006238 ngày 09/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

Bà Trần Thị Mỹ T không phải chịu án phí, được nhận lại 300.000 đồng theo biên lai T tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006311 ngày 10/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

Bà Trần Thị Mỹ H không phải chịu án phí, được nhận lại 300.000 đồng theo biên lai T tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006310 ngày 10/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

Bà Trần Thị Mỹ L (Trần Thị Loan) không phải chịu án phí, được nhận lại 300.000 đồng theo biên lai T tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006309 ngày 10/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

Bà Dương Thị N không phải chịu án phí, được nhận lại 300.000 đồng theo biên lai T tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006308 ngày 10/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

Bà Trần Thị Mỹ P không phải chịu án phí, được nhận lại 300.000 đồng theo biên lai T tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006307 ngày 10/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

Bà Trần Thị Mỹ H không phải chịu án phí, được nhận lại 300.000 đồng theo biên lai T tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006306 ngày 10/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TPHCM;
- TAND huyện Tịnh Biên;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Tịnh Biên;
- Phòng KTNV và THAHS;
- Tòa Dân sự;
- Văn phòng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Khuu Để Dành